

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Thái Nguyên	Tên sản phẩm	Số: TCCS 39:2025/VGREEN
CÔNG TY TNHH VGREEN THÁI NGUYÊN	Thực Phẩm Bổ Sung Satado Bột Dưỡng Sinh Phân Tử	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1.1. Các chỉ tiêu chất lượng (Theo Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 – Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Năng lượng	Kcal/100g	425
2	Carbohydrate (không bao gồm chất xơ)	g/100g	53
3	Chất béo	g/100g	15
4	Chất đạm	g/100g	20
5	Đường tổng số	g/100g	10,5
6	Na	mg/100g	305

1.2. Hàm lượng vi chất bổ sung (Theo TCCS 39:2025/VGREEN)

STT	Tên vi chất	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Ca	mg/100g	525,6 – 788,4
2	Mg	mg/100g	254,4 – 318,6

Mức đáp ứng lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt nam (“RNI”) của vi chất bổ sung được tính toán trong 20g sản phẩm:

Số liệu tính toán dựa trên Phụ lục số 01, Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, ban hành kèm theo thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 cho đối tượng từ 10 - 18 tuổi:

STT	Tên vi chất	RNI (mg/ngày)	Lượng tiêu thụ khi sử dụng 1 gói x 20g	%RNI
1	Ca	1000	≥ 105,12 mg	≥ 10,51%
2	Mg	155	≥ 50,88 mg	≥ 32,83%

$$\%RNI = \frac{\text{Lượng tiêu thụ khi sử dụng 1 gói x 20g}}{RNI} \times 100$$

- Lượng dùng khuyến nghị: 20g/ngày.
 - Đối tượng sử dụng: người lớn và trẻ em trên 3 tuổi.
- Hàm lượng khoáng chất của sản phẩm không vượt quá Ngưỡng dung nạp tối đa, theo Phụ lục số 02, ban hành kèm Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2024, cho đối tượng từ 3 tuổi trở lên:

STT	Tên vi chất	Đơn vị tính	Ngưỡng dung nạp tối đa
1	Mg	mg	350

1.3. Chỉ tiêu vi sinh vật (Theo TCCS 39:2025/VGREEN)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số VSV hiếu khí	CFU/g	10 ³
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/g	Không có
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	Không có
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	Không có
6	<i>Baccillus cereus</i>	CFU/g	Không có
7	Tổng số nấm men nấm mốc	CFU/g	10

1.4. Hàm lượng kim loại nặng (Theo QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Pb	mg/L	3,0
2	Cd	mg/L	1

3	Hg	mg/L	0,1
---	----	------	-----

1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm (Theo QCVN 8-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin tổng	µg/kg	4
2	Aflatoxin B1	µg/kg	2

2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO: Bột ngũ cốc 95% (Hạt óc chó, Yến mạch, Hạt chia, Mè đen, Hạt bí, Hạt sen, Đậu đen, Đậu xanh, Đậu đỏ, Bột sữa dừa), Vị ngọt từ quả La Hán 1%, Men lợi khuẩn Kombucha, Canxi (0,657%), Magie (0,318%).

3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

- 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì của sản phẩm.

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN:

- Ghi trên nhãn của sản phẩm.

5. CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

5.1. Quy cách đóng gói (bao bì ngoài)

- Quy cách đóng gói: 20g, 25g, 30g,... và các khối lượng khác tùy theo yêu cầu của khách hàng được in rõ trên bao bì.
- Sai số khi đóng gói đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 quy định về việc kiểm tra đo lường đối với hàng đóng gói sẵn theo định lượng.

5.2. Chất liệu bao bì:

- Sản phẩm đựng trong bao bì màng ghép OPP/AL/PE hoặc bao bì màng ghép PET/AL/PE, sau đó được đựng trong hộp giấy, túi PE. Bao bì đảm bảo ATVSTP của Bộ Y tế.

6. THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA VÀ SẢN XUẤT

CÔNG TY TNHH VGREEN THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Quan Triều, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất:

Số điện thoại: 0908 981 111

Fax:

E-mail: contact@vgreen.vn

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 12 năm 2025



GIÁM ĐỐC
Lê Ngọc Tú